

Bản án số: 05 /2024/DS-PT

Ngày: 15/01/2024

“Tranh chấp hợp đồng khoán việc”

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phúc Lâm

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Thanh

ông Tạ Duy Ước

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng khoán việc”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐ-PT ngày 07/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/ QĐ-PT ngày 22/12/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 175/2023/ QĐ-PT ngày 09/01/2024 ngày giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: anh **Dinh Xuân H**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **tổ A, khu E, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**. Có mặt.

\* Bị đơn: ông **Trần Quý H1**, sinh năm 1964 và bà **Lưu Thị M**, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: **tổ D, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: chị **Hồ Thị P**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **tổ C, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**. Có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị **Hồ Thị P**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **tổ C, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị **P**: luật sư **Quách Thị Quỳnh M1**- Luật sư Công ty L1; địa chỉ: **số A, lô A, khu đô thị M, phường H, Tp H, tỉnh Quảng Ninh** . Có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn ông **Trần Quý H1**, bà **Lưu Thị M** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Hồ Thị P**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* **Nguyên đơn anh Đinh Xuân H trình bày** : Ngày 18/10/2021 anh H và vợ chồng ông Trần Quý H1 và bà Lưu Thị M ký kết Giấy đặt cọc mua bán với nội dung anh H đặt cọc cho ông H1 và bà M số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để đảm bảo cho việc mua bán phần diện tích 286m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất 42, tờ bản đồ số 10 có diện tích 663,5m<sup>2</sup> tại tổ D, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh với giá bán là 858.000.000đ (tám trăm năm mươi tám triệu đồng). Thời hạn đặt cọc từ ngày 18/10/2021 đến hết ngày 18/01/2022 tới khi thửa đất trên được tách thành 3 thửa 42A, 42B, 42C- tờ bản đồ số 10, hai bên sẽ làm thủ tục công chứng chuyển nhượng phần diện tích như đã thỏa thuận và nhận số tiền còn lại. Anh H là người chịu các chi phí để về thuế chuyển đổi đất xây dựng, đo vẽ, cải tạo mặt bằng và các loại chi phí khác liên quan đến việc tách thửa công chứng chuyển nhượng. Nếu ông H1 và bà M không bán đất phải trả lại cho anh H số tiền đã đặt cọc và các chi phí có liên quan. Quá trình thực hiện việc tách thửa đối với thửa đất trên, anh H đã chi tổng số tiền 238.000.000 đồng, bao gồm : Tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng; Nộp ngân sách nhà nước: 69.000.000 đồng; Chi phí thuê máy xúc và thuê ô tô vận chuyển đất san lấp tạo mặt bằng 48.000.000 đồng; Tiền mua vật liệu xây dựng (gạch, cát , xi măng) để xây kè bao: 45.000.000 đồng; T thuê nhân công xây kè bao: 20.000.000 đồng; Tiền thuê chặt cây, thu dọn mặt bằng: 20.000.000 đồng; Các chi phí phát sinh khác: 6.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2021 thửa đất số 42 trên được UBND thành phố C tách thành 03 thửa đất là thửa số 42A, 42B và 42C, trong đó thửa 42A và 42B có tổng diện tích 286m<sup>2</sup> là phần đất anh H đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng. Do anh H bị mất giấy đặt cọc mua bán đất, nên ông H1 và bà M không thực hiện việc chuyển nhượng cho anh H theo thỏa thuận trước đó mà chuyển nhượng cho chị Hồ Thị P, không trả lại cho anh H số tiền anh đã chi ra theo như cam kết trong Giấy đặt cọc mua bán ngày 18/10/2021. Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1 và bà M phải trả cho anh số tiền 238.000.000 đồng, sau đó anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đặt cọc, chỉ yêu cầu ông H1 và bà M phải trả lại anh số tiền 208.000.000 đồng ( anh đã chi phí tôn tạo mảnh đất ...) vì anh không cung cấp được giấy đặt cọc bản gốc.

\* **Bị đơn ông Trần Quý H1 và bà Lưu Thị M trình bày**: ông bà bán cho chị Hồ Thị P 02 thửa đất số 42A và 42B có tổng diện tích 286m<sup>2</sup>, địa chỉ tại tổ D, khu D, phường C, thành phố C, vị trí thửa đất trên đỉnh dốc y tế phía sau trạm y tế Công ty cổ phần T4 – TKV, đi lên đỉnh dốc rẽ phải khoảng 100m. Ông bà không giao dịch mua bán với anh H, anh H chỉ là người đi cùng chị P. Hai bên thỏa thuận chị P chịu mọi chi phí tách thửa và cải tạo mặt bằng. Việc anh H và chị P thỏa thuận như thế nào thì ông bà không được biết. Ông bà xác nhận việc

anh H là người thuê ông H1 xây kè hết 20.000.000 đồng (bao gồm cả tiền công và tiền vật liệu), thuê người chặt cây cối, san lấp tạo mặt bằng. Ông H1 thừa nhận có ký vào bảng kê chi phí ngày 12/02/2022 cho anh H xác nhận tổng số tiền anh H bỏ ra là 208.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H1 cho rằng khi ông ký bảng kê chi phí này thì ông không đọc nội dung. Việc mua bán đất giữa ông và chị P đã xong và hai bên không còn vướng mắc gì liên quan đến tài chính hoặc nghĩa vụ dân sự. Ông H1 và bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H vì ông và bà không có thỏa thuận gì với anh H, không thuê, không nhờ anh H nộp tiền làm thủ tục tách thửa và san lấp mặt bằng, số tiền anh H đã chi là thỏa thuận riêng giữa anh H và chị P.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị P có quan điểm:** chị và anh H có hợp tác mua đi, bán lại 02 thửa bán đất của ông H1 và bà M để thu lợi nhuận. Chị là người trực tiếp giao dịch mua bán đất với ông H1, bà M, anh H là người bỏ ra số tiền 208.000.000đ để nộp chi phí tách thửa đất và san lấp mặt bằng. Tuy nhiên, sau đó chị P thay đổi quan điểm cho rằng chị không liên quan gì đến anh H, không có thỏa thuận kinh doanh chung với anh H. Một mình chị P đặt cọc mua 286m<sup>2</sup> đất với ông H1 và bà M, thỏa thuận chị P chịu mọi chi phí tách thửa và chi phí khác liên quan. Chị không thuê, không nhờ anh H đi nộp thuế, đi san gạt mặt bằng đất. Chị P đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

\* **Người làm chứng Đàm Viết Q, anh Nguyễn Công D và anh Vi T1 T2 có lời khai:** vào cuối năm 2021 tại thửa đất có địa chỉ tổ D, khu D, phường C, Tp C, trên đỉnh dốc y tế phía sau trạm y tế Công ty cổ phần T4 – TKV, anh Q có chặt cây cối và dọn dẹp mặt bằng cho anh H với tiền công là 20.000.000 đồng; anh D có san gạt, đổ đất tạo mặt bằng, dùng máy xúc phá dỡ nhà cấp 4 và dùng xe ô tô chở đất để đổ san nền cho anh H với số tiền công là 48.000.000 đồng; anh T2 là người giới thiệu anh D để san gạt mặt bằng cho anh H, anh T2 có bán cho anh H một số vật liệu xây dựng nhưng do thời gian đã lâu nên anh không nhớ chính xác anh H mua những thứ gì và bao nhiêu tiền.

\* **Ủy ban nhân dân thành phố C** đã cung cấp tài liệu thể hiện nội dung ngày 07/12/2021, nguyên đơn Đinh Xuân H đã nộp 69.660.000đ vào ngân sách nhà nước thay cho bị đơn để thực hiện chuyển mục đích sử dụng 120m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa 42 sang đất ở. Ngày 20/12/2021, U tách thửa 42 thành 03 thửa 42A, 42B, 42C. Ngày 10/01/2022 bị đơn chuyển nhượng thửa đất 42B cho bà Trần Ngọc A. Ngày 20/5/2022, bị đơn chuyển nhượng thửa đất 42A cho chị Hồ Thị P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tuyên xử: Chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của anh **Đình Xuân H**, buộc ông **Trần Quý H1** và bà **Lưu Thị M** phải trả lại cho anh **Đình Xuân H** số tiền là 157.000.000 (*một trăm năm mươi bảy triệu đồng*); Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2023, bị đơn ông **Trần Quý H1** và bà **Lưu Thị M**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Hồ Thị P** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có quan điểm: không có căn cứ để chấp nhận các khoản chi phí theo bảng kê của anh **H**, anh **H** tự bỏ tiền ra để thực hiện các công việc liên quan đến việc tách thửa nên anh **H** tự phải chịu các khoản chi phí đó, các chi phí anh **H** kê ra là quá cao không đúng với chi phí thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **H**.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về tố tụng:** Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nằm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Xét nội dung vụ án thấy:**

Nguyên đơn anh **Đình Xuân H** cho rằng do anh có thỏa thuận nhận chuyển nhượng 286m<sup>2</sup> đất nằm trong tổng diện tích 663,5m<sup>2</sup> của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 tại **tổ D, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** của ông **H1**, bà **M**, anh là người chịu chi phí tách thửa và chuyển nhượng nên anh mới bỏ tiền ra để chặt cây cối, san lấp mặt bằng, xây dựng bờ tường bao quanh và làm thủ tục tách thửa. Tuy nhiên sau khi tách thửa 42 thành 3 thửa đất 42A, 42B, 42C thì ông **H1**, bà **M** đã chuyển nhượng cho chị **P** thửa 42A và 42B, nhưng không trả lại cho anh **H** số tiền anh đã bỏ ra. Sau đó anh **H** cho rằng đã mất giấy đặt cọc nên không tranh chấp giao dịch mua bán nhà, mà chỉ yêu cầu ông **H1**, bà **M** trả

lại cho anh số tiền anh đã nộp vào ngân sách nhà nước và chi phí tôn tạo thửa đất của ông bà.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn chỉ có giao dịch với chị P, không liên quan đến anh H, tuy nhiên lại thừa nhận anh H là người nộp tiền vào ngân sách nhà nước, chính ông H1 là người được anh H thuê xây tường kè; anh H cũng là người chặt cây, san lấp mặt bằng tại nhà ông H1, bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, ngày 21/10/2021 chị P ký kết hợp đồng đặt cọc để mua một phần diện tích đất thuộc thửa số 42 tờ bản đồ số 10 tại tổ D, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh của ông H1, bà M với thỏa thuận chị P là người có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tách thửa, san gạt, xây kè và các chi phí khác có liên quan. Ngày 20/12/2021, U tách thửa 42 thành 03 thửa 42A, 42B, 42C; ngày 20/5/2022, bị đơn chuyển nhượng thửa đất 42A cho chị Hồ Thị P và chị P đã được UBND thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là thỏa thuận cuối cùng và chính thức giữa ông H1, bà M và chị P, xét thấy thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ.

Thứ hai, không có chứng cứ nào xác định chị P đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính, chi phí khác liên quan đối với thửa đất này.

Thứ ba, anh H đã chi các khoản chi phí để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, cải tạo, san lấp mặt bằng tại mảnh đất trên, sau khi thực hiện việc tách thửa thì ông H1, bà M mới thực hiện được việc chuyển nhượng theo thỏa thuận đã ký kết với chị P. Xét thấy những công việc này là trách nhiệm của người có quyền sử dụng đất là ông H1, bà M; việc chặt cây cối, san lấp mặt bằng và xây dựng bờ tường bao quanh làm tăng giá trị 02 thửa đất số 42A và 42B khi thửa đất vẫn đang thuộc quyền sở hữu của ông H1, bà M và chỉ khi được sự đồng ý của ông bà thì anh H mới có cơ sở để thực hiện các công việc này. Ông H1, bà M đang chiếm hữu, sử dụng và hưởng lợi từ phần tài sản mà anh H đã bỏ ra, chưa thanh toán cho anh H.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa anh H và ông H1, bà M có thỏa thuận về việc anh H thay ông H1 bà M thực hiện toàn bộ các công việc trên. Đây là hợp đồng khoán việc, hợp đồng này phù hợp với quy định tại Điều 385 Bộ luật dân sự 2015, nên có hiệu lực và được pháp luật bảo vệ. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*kiện đòi tài sản*” là không chính xác, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng khoán việc*”; tuy nhiên việc xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp này không làm thay đổi nội dung của vụ án, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Do đó, anh **H** có yêu cầu ông **H1**, bà **M** trả toàn bộ các chi phí thực tế để tôn tạo và tách thửa đối với thửa đất số 42 theo công việc đã có thỏa thuận mà không tính thù lao là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét Bản kê chi phí được lập ngày 12/2/2022 giữa anh **Đình Xuân H** và ông **Trần Quý H1** thấy các chi phí theo bảng kê là chi phí thực tế mà anh **H** đã thanh toán, cơ bản phù hợp với lời khai của người làm chứng, và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và **UBND thành phố C** cung cấp, phù hợp với thực tế, bởi lẽ:

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng các chi phí anh **H** đưa ra không đúng với thực tế vì đất của ông **H1**, tại sao ông không tự xây bờ kè mà phải chờ anh **H** thuê mới làm, và anh **H** đã thanh toán tiền công cho ông **H1**, đây là quan hệ độc lập không liên quan tới vụ án. Xét thấy, quan điểm này là không có căn cứ vì đây là thỏa thuận của các bên, việc ông **H1** bà **M** giao cho anh **H** việc cải tạo thửa đất, anh **H** lại thuê chính ông **H1** bà **M** xây tường kè cho mình không vi phạm quy định của pháp luật, không bị pháp luật nghiêm cấm, thỏa thuận này được pháp luật bảo vệ. Đối với quan điểm của chị **P** cho rằng không ai thuê anh **H** mà anh **H** tự ý làm các công việc liên quan đến việc tách thửa đất, xét thấy ông **H1** và **M** là chủ sở hữu của thửa đất số 42, vẫn đang quản lý sử dụng thửa đất, nếu không có sự đồng ý của ông bà thì anh **H** không thể thực hiện được những việc như chặt cây cối, san gạt mặt bằng trên thửa đất này và yếu tố quan trọng nhất là người hưởng lợi từ những việc làm trên của anh **H** là ông **H1** và bà **M**. Anh **H** thực hiện các công việc này theo thỏa thuận với ông **H1** bà **M** như đã phân tích ở trên, nên quan điểm này của chị **P** là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với quan điểm cho rằng, việc bảng kê chi phí không hợp lý. Hội đồng xét xử không căn cứ vào bảng kê chi phí để buộc ông **H1** bà **M** phải thanh toán toàn bộ số tiền anh **H** đã kê, mà căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định các khoản chi phí nào có cơ sở để chấp nhận. Chị **P** cho rằng chi phí chặt cây quá cao, chị là người thanh toán số tiền chặt cây nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình.

Hội đồng xét xử xem xét về số tiền anh **H** đã chi phí để làm thủ tục tách thửa và tôn tạo lại thửa đất số 42 tại **tổ D, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** của vợ chồng ông **H1**, bà **M** cụ thể như sau: (1) về việc nộp số tiền 69.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước thay ông **H1**, bà **M** để thực hiện việc tách thửa đất số 42 đây là chi phí thực tế, cần phải nộp khoản tiền này thì mới tách thửa được và đều được các đương sự thừa nhận, nên được chấp nhận; (2) chi phí thuê chặt cây cối dọn mặt bằng tại thửa đất 42A và 42B là 20.000.000

đồng, chi phí thuê máy xúc và xe ô tô để san lấp mặt bằng thửa đất số 42A, 42B là 48.000.000 đồng, chi phí thuê xây dựng kè bao thửa 42A và 42B là 20.000.000đ. Xét thấy những chi phí này đã được những người làm chứng là người trực tiếp thực hiện những công việc này xác nhận việc có được anh **H** thuê, anh **H** đã thanh toán đủ số tiền theo như thỏa thuận của các bên, nên có cơ sở để chấp nhận; (3) đối với số tiền 45.000.000 đồng anh **H** khai là mua vật liệu xây dựng để xây bờ tường bao và số tiền 6.000.000đ chi phí khác không có chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **[3] Về án phí.**

Kháng cáo của ông **H1**, bà **M** và chị **P** không được chấp nhận, nên ông **H1**, bà **M** và chị **P** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Trần Quý H1**, bà **Lưu Thị M** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Hồ Thị P**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Điều 357, Điều 385 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Đình Xuân H**, ông **Trần Quý H1** và bà **Lưu Thị M** có nghĩa vụ trả lại cho anh **Đình Xuân H** số tiền là 157.000.000 (*một trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người được thi hành án, có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả được khoản tiền phải thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### **2. Về án phí:**

Ông **Trần Quý H1** và bà **Lưu Thị M** có nghĩa vụ nộp 7.850.000đ (*bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **H1** và bà **M** mỗi người có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm*

ngàn đồng) ông **H1** đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002035 ngày 26/10/2023 và số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà **M** đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002033 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Ông **H1** và bà **M** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh **Đinh Xuân H** có nghĩa vụ nộp 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 5.950.000đ (năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0005382, ngày 23/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cẩm Phả, trả lại cho anh **H** 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Chị **Hồ Thị P** có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002032 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị **P** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Duy U**

**Bùi Đức Thanh Đặng Phúc L**



***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Cẩm Phả;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THÂM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Phúc Lâm**

**CÁC THÂM PHÁN**

**THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Duy Ước Bùi Đức T3**

**Đặng Phúc L**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Uông Bí;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Phúc Lâm**

